

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố lại hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Sở Công Thương tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;

Căn cứ Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 01/3/2019 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch chuyển đổi áp dụng Hệ thống Quản lý Chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Theo đề nghị Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố lại hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Công Thương tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phù hợp tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo qui định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này; Bao gồm 122 quy trình thủ tục hành chính thuộc 18 lĩnh vực.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 243/QĐ-SCT ngày 05/11/2019 về việc công bố lại hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2005 tại Sở Công Thương tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Ban chỉ đạo ISO Sở Công Thương, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *Ưư*

- Như điều 3;
- UBND tỉnh (thay b/c);
- Sở KH&CN; Nội vụ;
- Chi cục TC và ĐLCL;
- GĐ; các PGĐ Sở;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Bùi Thị Dung

PHỤ LỤC
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN
QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 122/QĐ-SCT ngày 19 tháng 6 năm 2020)

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã hiệu
I	Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân	
1	Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh không theo chu kỳ (đối với điều chỉnh Hợp phần Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV)	QT01/NL
II	Điện	
1	Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	QT01/DIEN
2	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	QT02/DIEN
3	Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03MW đặt tại địa phương	QT03/DIEN
4	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03MW đặt tại địa phương	QT04/DIEN
5	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương	QT05/DIEN
6	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	QT06/DIEN
7	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương trường hợp thẻ bị mất hoặc bị hỏng thẻ	QT07/DIEN

8	Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện	QT08/DIEN
9	Cấp lại thẻ an toàn điện	QT09/DIEN
10	Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện	QT10/DIEN
11	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương	QT11/DIEN
12	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	QT12/DIEN
13	Cấp Sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	QT13/DIEN
III	Lĩnh vực Dầu khí	
1	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210m ³ đến dưới 5.000m ³	QT01/DK
2	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m ³	QT02/DK
3	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m ³	QT03/DK
IV	Lĩnh vực khoa học công nghệ	
1	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	QT01/KHCN
V	Quản lý cạnh tranh	
1.	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	QT01/BHDC
2.	Thủ tục Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	QT02/BHDC

3.	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	QT03/BHDC
4.	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	QT04/BHDC
VI	Lĩnh vực bảo quyền lợi người tiêu dùng	
1.	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	QT01/BVQL
VII	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	
1.	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	QT01/LTHH
2.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	QT02/LTHH
3.	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	QT03/LTHH
4.	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT04/LTHH
5.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT05/LTHH
6.	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT06/LTHH
7.	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	QT07/LTHH
8.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	QT08/LTHH
9.	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	QT09/LTHH
10.	Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	QT010/LTHH
11.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	QT11/LTHH

12.	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	QT12/LTHH
13.	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	QT13/LTHH
14.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	QT14/LTHH
15.	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	QT15/LTHH
16.	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	QT56/LTHH
17.	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	QT57/LTHH
18.	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	QT58/LTHH
19.	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	QT59/LTHH
20.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	QT60/LTHH
VIII	Lĩnh vực Công Nghiệp Tiêu Dùng	
1.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	QT01/CNTD
2.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	QT02/CNTD
3.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	QT03/CNTD
4.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	QT07/CNTD
5.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	QT08/CNTD
6.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	QT09/CNTD
IX	Xúc tiến thương mại	
1	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT01/XTTM

2	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT02/XTTM
3	Thông báo hoạt động thực hiện khuyến mại	QT03/XTTM
4	Xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ/triển lãm thương mại tại Việt Nam	QT04/XTTM
5	Xác nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	QT05/XTTM
6	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	QT06/XTTM
X	Lĩnh vực kinh doanh khí	
1.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	QT01/KDMHL
2.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	QT02/KDMHL
3.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	QT03/KDMHL
4.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	QT04/KDMHL
5.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	QT05/KDMHL
6.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	QT06/KDMHL
7.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	QT07/KDMHL
8.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	QT08/KDMHL

9.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	QT09/KDMHL
10.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	QT10/KDMHL
11.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	QT11/KDMHL
12.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	QT12/KDMHL
13.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	QT01/KTNHL
14.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	QT02/KTNHL
15.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	QT03/KTNHL
16.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	QT04/KTNHL
17.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	QT05/KTNHL
18.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	QT06/KTNHL
19.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	QT01/KTNN
20.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	QT02/KTNN

21.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	QT03/KTNN
22.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	QT04/KTNN
23.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	QT05/KTNN
24.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	QT06/KTNN
XI	Lĩnh vực Công Nghiệp địa phương	
1	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	QT01/CNĐP
XII	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	
1	Cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	QT01/TMQT
2	Cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	QT02/TMQT
3	Điều chỉnh, bổ sung Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	QT03/TMQT
4	Gia hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	QT04/TMQT
5	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép	QT05/TMQT
6	Cấp giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	QT06/TMQT

7	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	QT07/TMQT
8	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	QT08/TMQT
9	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	QT09/TMQT
10	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	QT10/TMQT
11	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	QT11/TMQT
12	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	QT12/TMQT
13	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	QT13/TMQT
14	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	QT14/TMQT
15	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	QT15/TMQT
16	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	QT16/TMQT

17	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	QT17/TMQT
18	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	QT18/TMQT
19	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	QT19/TMQT
20	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	QT20/TMQT
21	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	QT21/TMQT
XIII	Lĩnh vực Vật liệu nổ Công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	
1.	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	QT01/VLNCNTN
2.	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	QT02/VLNCNTN
3.	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	QT03/VLNCNTN
4.	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	QT04/VLNCNTN
5.	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	QT05/VLNCNTN
6.	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	QT06/VLNCNTN
7.	Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	QT07/VLNCNTN

XIV	Hóa chất	
1	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	QT01/HC
2	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	QT02/HC
3	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	QT03/HC
4	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	QT04/HC
5	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	QT05/HC
6	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	QT06/HC
7	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm	QT012HC
XV	Lĩnh vực Công nghiệp nặng	
1	Tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng Công trình mỏ khoáng sản rắn nhóm B, C	QT01/CNN
XVI	Lĩnh vực dịch vụ thương mại	
1	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	QT01/GDTM
2	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	QT02/GDTM

XVII	Lĩnh vực An toàn thực phẩm	
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	QT01/ATTP
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	QT02/ATTP
3	Kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	QT03/ATTP
XVIII	Lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ	
1	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	QT01/CNHT

*** Ghi chú:**

- Tổng cộng 18 Lĩnh vực